

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch triển khai xây dựng
Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2014 trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 01/9/2011 của UBND tỉnh Bình Định về Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2012 ÷ 2015 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2014 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1751/TTr-SGTVT ngày 15/7/2014 về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch Bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2014 trên địa bàn tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2014 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Bảng tổng hợp khối lượng xi măng tỉnh hỗ trợ đối với đường GTNT loại B (số liệu đã quy đổi về đường GTNT loại B):

TT	Địa phương	Chiều dài (Km)		Lượng XM hỗ trợ (tấn)	Ghi chú
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung		
01	Hoài Nhơn	54,295	54,295	9.067,265	Giữ nguyên
02	An Lão	19,672	13,616	2.273,872	Điều chỉnh, bổ sung
03	Hoài Ân	32,521	38,041	6.352,847	Điều chỉnh, bổ sung
04	Phù Mỹ	40,020	44,093	7.363,531	Điều chỉnh, bổ sung
05	Phù Cát	57,871	65,057	10.864,519	Điều chỉnh, bổ sung
06	Tây Sơn	35,099	29,995	5.009,232	Điều chỉnh, bổ sung
07	Vĩnh Thạnh	18,529	18,529	3.094,343	Giữ nguyên

08	An Nhơn	56,11	57,318	9.572,106	Điều chỉnh, bổ sung
09	Tuy Phước	13,116	25,869	4.320,123	Điều chỉnh, bổ sung
10	Vân Canh	15,625	9,807	1.637,769	Điều chỉnh, bổ sung
11	Quy Nhơn	0	0,654	109,218	Điều chỉnh, bổ sung
Tổng cộng		344,386	357,274	59.664,825	

(Chi tiết có Bảng danh mục kèm theo)

2. Bảng tổng hợp khối lượng xi măng tỉnh hỗ trợ đối với đường trục chính nội đồng loại C (số liệu đã quy đổi về đường GTNT loại C):

TT	Địa phương	Chiều dài (Km)		Lượng XM hỗ trợ (tấn)	Ghi chú
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung		
01	An Lão		0,7	61,075	Điều chỉnh, bổ sung
02	Hoài Ân	46,738	45,495	3.969,439	Điều chỉnh, bổ sung
03	Tây Sơn		15,005	1.309,186	Điều chỉnh, bổ sung
04	An Nhơn		0,934	81,492	Điều chỉnh, bổ sung
05	Tuy Phước	2,17	15,604	1.361,449	Điều chỉnh, bổ sung
Tổng cộng		48,908	77,738	6.782,641	Điều chỉnh, bổ sung

(Chi tiết có Bảng danh mục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *ql*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cty Constrexim BĐ;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K17, K19.(M.30b) *ql*



Ngô Đông Hải